

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN XÉT TUYỂN LẠI VIÊN CHỨC NĂM 2018**

(Kèm theo Biên bản số 172 /BB-HĐXTVC, ngày 29/01/2018 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

| TT | Họ tên                 | Giới tính | Ngày tháng năm sinh | Chỗ ở hiện nay      | Trình độ | Hệ đào tạo | Ngành/chuyên ngành | Kinh nghiệm công tác | Trúng tuyển tại đơn vị       | Vị trí việc làm               |
|----|------------------------|-----------|---------------------|---------------------|----------|------------|--------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------------|
| 1  | Hoàng Ngọc Hiếu        | Nam       | 27.2.1990           | Quảng Minh, QT, QB  | Đại học  | Chính quy  | KsQL TN rừng       | 4.2013               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Khoa học công nghệ môi trường |
| 2  | Hoàng Thị Tô Nga       | Nữ        | 08.7.1990           | Thạch Hoá, TH, QB   | Đại học  | Chính quy  | Ks CN MT           | 4.2013               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Phòng thí nghiệm              |
| 3  | Đình Xuân Trường       | Nam       | 10.12.1986          | Phong Thủy, LT, QB  | Đại học  | Chính quy  | Ks CN T.phẩm       | 6.2013               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Quan trắc môi trường          |
| 4  | Nguyễn Thị Huệ         | Nữ        | 18/12/1980          | Hàm Ninh, QN, QB    | Đại học  | Chính quy  | CN KH MT           | 6.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Phòng thí nghiệm              |
| 5  | Phạm Thị Phương Linh   | Nữ        | 06.01.1983          | An Thủy, LT, QB     | Đại học  | Chính quy  | CN KH MT           | 6.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Quan trắc môi trường          |
| 6  | Hoàng Minh Đức         | Nam       | 20.2.1981           | Lương Ninh, QN, QB  | Đại học  | Chính quy  | CNCN MT            | 6.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Tư vấn dịch vụ môi trường     |
| 7  | Nguyễn Đức Cường       | Nam       | 26.02.1982          | Quảng Hoà, BĐ, QB   | Đại học  | Chính quy  | CN sinh học        | 7.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Quan trắc môi trường          |
| 8  | Lê Hải Thanh Phương    | Nữ        | 14/10/1990          | Hạ Trạch, BT, QB    | Đại học  | Chính quy  | Ks CN MT           | 6.2013               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | Quan trắc môi trường          |
| 9  | Nguyễn Thị Hương Hoài  | Nữ        | 08.10.1982          | Quảng Phong, QT, QB | Đại học  | Chính quy  | CN KH MT           | 7.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | CNMT và viên chức hành chính  |
| 10 | Trần Thị Thuần         | Nữ        | 01.5.1980           | Nam Trạch, BT, QB   | Đại học  | Chính quy  | CN KH MT           | 7.2006               | Trung tâm Quan trắc TN&MT    | CNMT và viên chức hành chính  |
| 11 | Nguyễn Thị Bích Phương | Nữ        | 29.10.1989          | Tiến Hoá, TH, QB    | Đại học  | Chính quy  | CNQT k.doanh       | 4.2013               | Trung tâm Phát triển quỹ đất | Hành chính                    |
| 12 | Phan Thị Minh Hạnh     | Nữ        | 18.10.1987          | TT Hoàn Lão, BT, QB | Đại học  | Chính quy  | CN kinh tế         | 4.2013               | Trung tâm Phát triển quỹ đất | Giải phóng mặt bằng           |
| 13 | Trần Thị Hồng Yến      | Nữ        | 05.5.1988           | Đồng Mỹ ĐH, QB      | Đại học  | Chính quy  | CN kinh tế         | 7.2013               | Trung tâm Phát triển quỹ đất | Giải phóng mặt bằng           |



|    |                        |     |            |                               |           |           |                    |         |                                     |                               |
|----|------------------------|-----|------------|-------------------------------|-----------|-----------|--------------------|---------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 14 | Đỗ Công Trọng          | Nam | 08.11.1985 | Liên Thủy, LT, QB             | Trung cấp | Chính quy | TC KT trắc địa     | 03.2009 | Văn phòng ĐKđất đai                 | Dịch vụ địa chính             |
| 15 | Trần Thị Phương        | Nữ  | 15.11.1988 | Quảng Thuận, Ba Đồn, QB       | Thạc sĩ   | Chính quy | Ths QLĐĐ           | 4.2013  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Dịch vụ địa chính             |
| 16 | Hồ Văn Phong           | Nam | 26.4.1981  | Hải Trạch, BT, QB             | Đại học   | Chính quy | CN địa lý          | 4.2013  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Dịch vụ địa chính             |
| 17 | Phạm Thùy Trang        | Nữ  | 16.12.1984 | Dương Thủy, LT, QB            | Đại học   | Chính quy | CN QT k.doanh      | 01.2011 | Văn phòng ĐKđất đai                 | Dịch vụ địa chính             |
| 18 | Nguyễn Thị Sang Huệ    | Nữ  | 26.12.1981 | Trung Trạch, BT, QB           | Đại học   | Chính quy | CN địa lý          | 9.2006  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Đăng ký thống kê, GDBĐ        |
| 19 | Dương Thị Kiều         | Nữ  | 01.5.1976  | Đồng Trạch, BT, QB            | Đại học   | VLVH      | CN Luật            | 01.2000 | Văn phòng ĐKđất đai                 | Hành chính                    |
| 20 | Nguyễn Hữu Trường      | Nam | 12.04.1979 | Bắc Lý, ĐH, QB                | Đại học   | VLVH      | Ks QLĐĐ            | 5.2005  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Phòng Kế hoạch, kỹ thuật      |
| 21 | Võ Thị Anh Đào         | Nữ  | 20.11.1977 | Tân Ninh, QN, QB              | Đại học   | Chính quy | CN tin học         | 4.2000  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Đăng ký thống kê              |
| 22 | Trương Thị Thanh Hương | Nữ  | 16.8.1982  | Võ Ninh, QN, QB               | Đại học   | Chính quy | CN luật            | 7.2006  | Văn phòng ĐKđất đai                 | Đăng ký thống kê              |
| 23 | Hoàng Ngọc Ánh         | Nam | 13.3.1978  | Thanh Thủy, LT, QB            | Đại học   | Chính quy | Ks CN thông tin    | 01.2007 | Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | Phòng Ứng dụng CN TT, và CSDL |
| 24 | Nguyễn Thị Anh Tâm     | Nữ  | 02.5.1988  | Đồng Phú, ĐH, QB              | Đại học   | Chính quy | CN kế toán         | 9.2012  | Trung tâm CN T. tin TN&MT           | Kế toán                       |
| 25 | Nguyễn Thị Hồng Ngân   | Nữ  | 20.11.1988 | Quảng Phúc, QT, QB            | Đại học   | Chính quy | Ks CN MT           | 6.2013  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch khoáng sản          |
| 26 | Ngô Văn Hải            | Nam | 30.11.1987 | Vạn Ninh, QN, QB              | Đại học   | Chính quy | Ks TV và TN nước   | 6.2013  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch khoáng sản          |
| 27 | Nguyễn Thị Kiều Trang  | Nữ  | 19.7.1990  | Xuân Ninh, QN, QB             | Đại học   | Chính quy | CN QT k.doanh      | 6.2013  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch sử dụng đất         |
| 28 | Trần Thanh Hải         | Nam | 05.01.1989 | Hàm Ninh, QN, QB              | Đại học   | Chính quy | Ks xây dựng        | 4.2013  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch sử dụng đất         |
| 29 | Trương Thị Thu Hà      | Nữ  | 27.12.1978 | Đông Hà, Q. Trị               | Đại học   | Chính quy | CN KH sinh học     | 5.2003  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch khoáng sản, TN nước |
| 30 | Nguyễn Thị Lý          | Nữ  | 14.10.1980 | Quảng Phương, QT, QB          | Đại học   | Chính quy | CN Luật            | 7.2007  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Hành chính                    |
| 31 | Nguyễn Thị Thon        | Nữ  | 24.8.1987  | Hương Chừ, Hương trà, T.T Huế | Đại học   | Chính quy | Ks Quản lý đất đai | 6.2013  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch sử dụng đất         |
| 32 | Nguyễn Chung Hiệp      | Nam | 16.6.1973  | Đồng Sơn, ĐH, QB              | Đại học   | ĐH từ xa  | CN kinh tế         | 3.1996  | Trung tâm Quy hoạch tài nguyên      | Quy hoạch sử dụng đất         |

H. CH  
 SỞ  
 NGU  
 TÀI TR  
 H. QUẢN

th

|    |                        |     |            |                     |         |           |                 |         |                              |                          |
|----|------------------------|-----|------------|---------------------|---------|-----------|-----------------|---------|------------------------------|--------------------------|
| 33 | Trần Thiện Hùng        | Nam | 13.5.1990  | Liên Thủy, LT, QB   | Đại học | Chính quy | CN tài chính DN | 02.2013 | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Hành chính               |
| 34 | Trần Công Ninh         | Nam | 24.4.1972  | Mai Hoá, TH, QB     | Đại học | VLVH      | CN kinh tế      | 3.1997  | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Hành chính               |
| 35 | Nguyễn Thị Phương Thủy | Nữ  | 11.09.1981 | Xã Mai Thủy, LT, QB | Đại học | VLVH      | CN kế toán      | 6.2006  | Văn phòng ĐKđất đai          | Đăng ký thống kê, GDBĐ   |
| 36 | Đặng Thị Diệu Linh     | Nữ  | 06.01.1990 | Xuân Thủy, LT, QB   | ĐH      | Chính quy | Ks QLĐĐ         | 6.2013  | Văn phòng ĐKđất đai          | Dịch vụ địa chính        |
| 37 | Lê Thị Hương Lan       | Nữ  | 28.02.1990 | Văn Thủy, LT, QB    | ĐH      | VLVH      | Ks QLĐĐ         | 10.2013 | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Dịch vụ địa chính        |
| 38 | Cao Thị Vân Anh        | Nữ  | 02.6.1984  | Mai Hoá, TH, QB     | ĐH      | Chính quy | CN QTKD         | 7.2013  | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Dịch vụ địa chính        |
| 39 | Lê Thị Gấm             | Nữ  | 08.3.1975  | Đức Ninh, ĐH, QB    | ĐH      | VLVH      | CN kinh tế      | 3.1996  | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Phòng Kế hoạch, kỹ thuật |
| 40 | Lê Văn Thành           | Nam | 25.10.1971 | Liên Thủy, LT, QB   | ĐH      | VLVH      | Ks QLĐĐ         | 01.2010 | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Dịch vụ địa chính        |
| 41 | Lê Thị Minh Phương     | Nữ  | 03.10.1974 | An Thủy, LT, QB     | ĐH      | VLVH      | CN địa chính    | 3.1997  | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Dịch vụ địa chính        |
| 42 | Đoàn Văn Việt          | Nam | 06.4.1964  | Quảng Tiên, BĐ      | TC      | Chính quy | TC giao thông   | 9.1994  | Trung tâm Kỹ thuật địa chính | Dịch vụ địa chính        |

